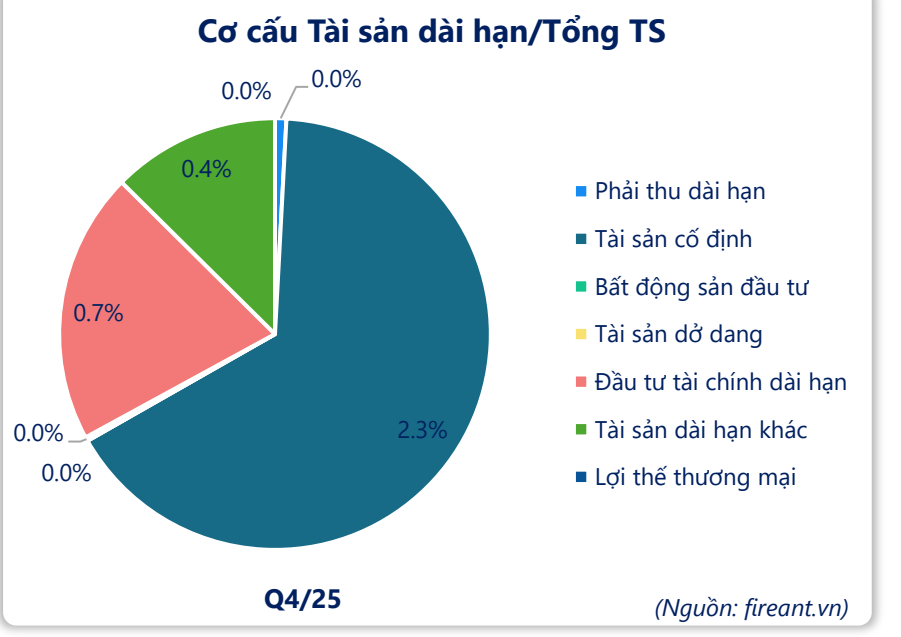
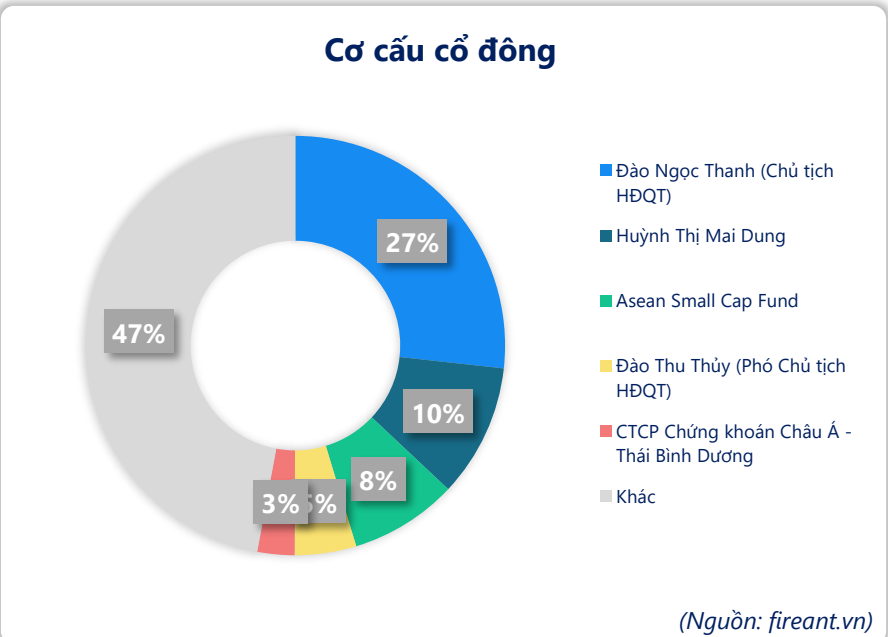
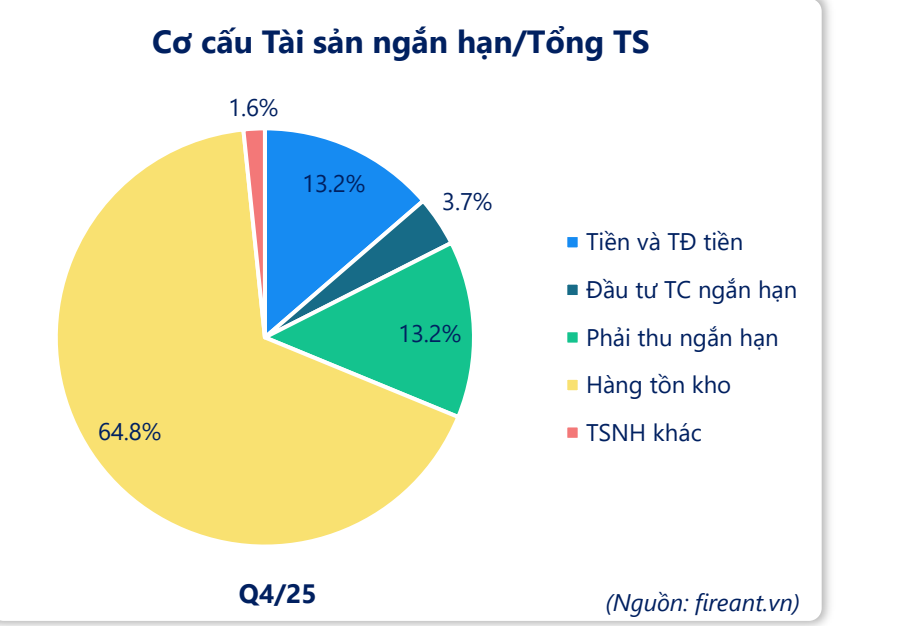
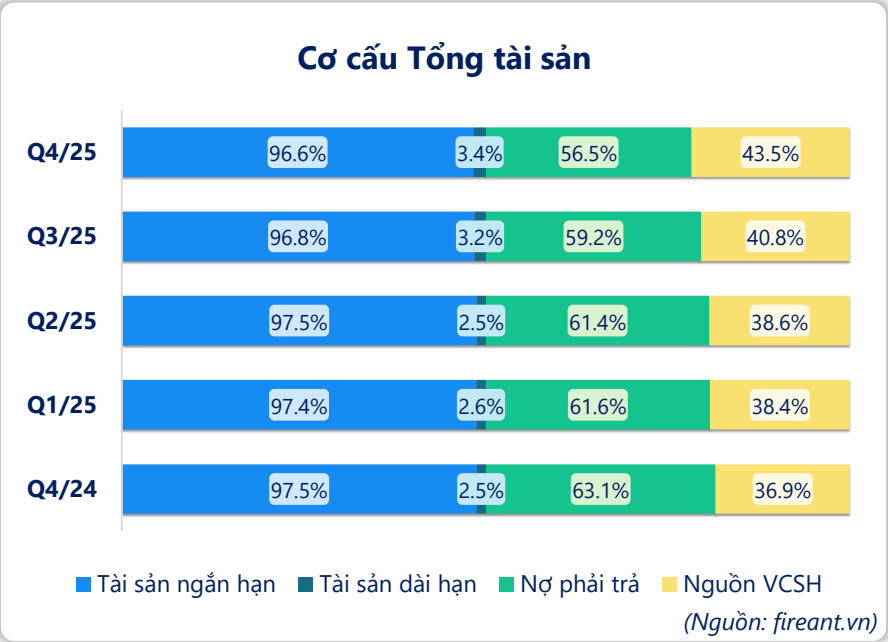
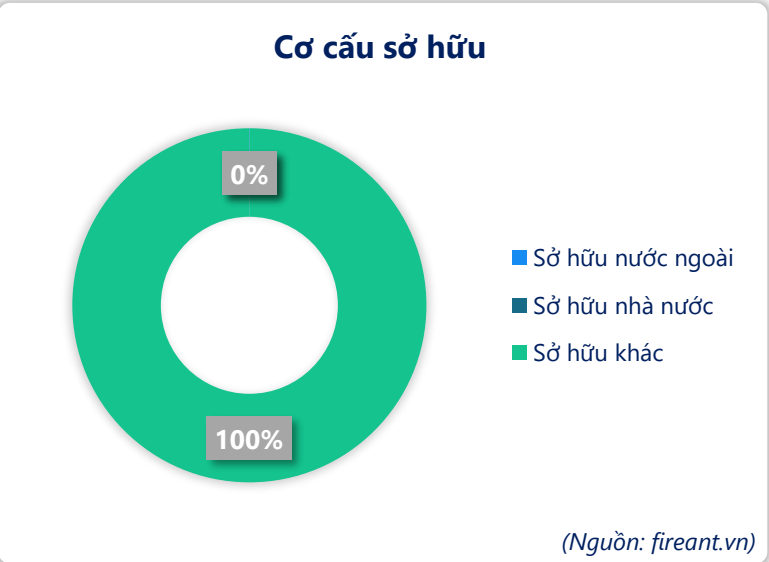
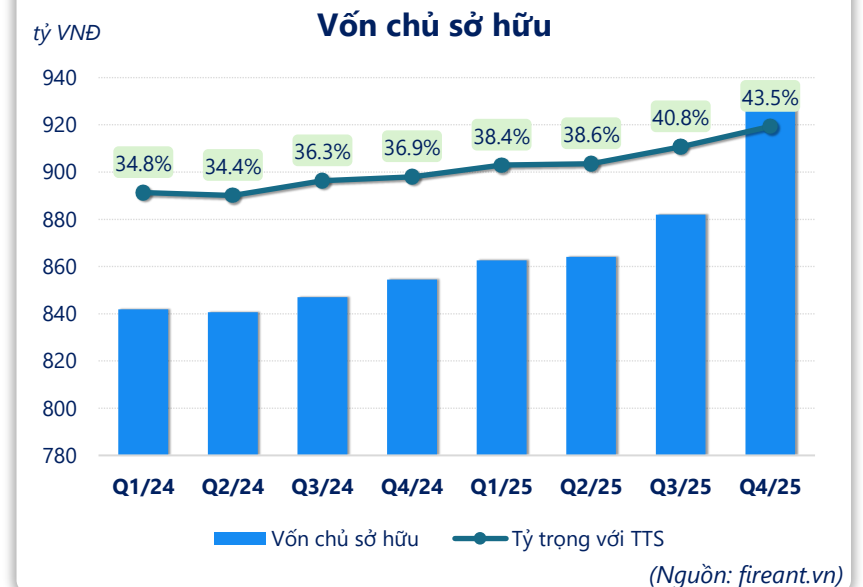
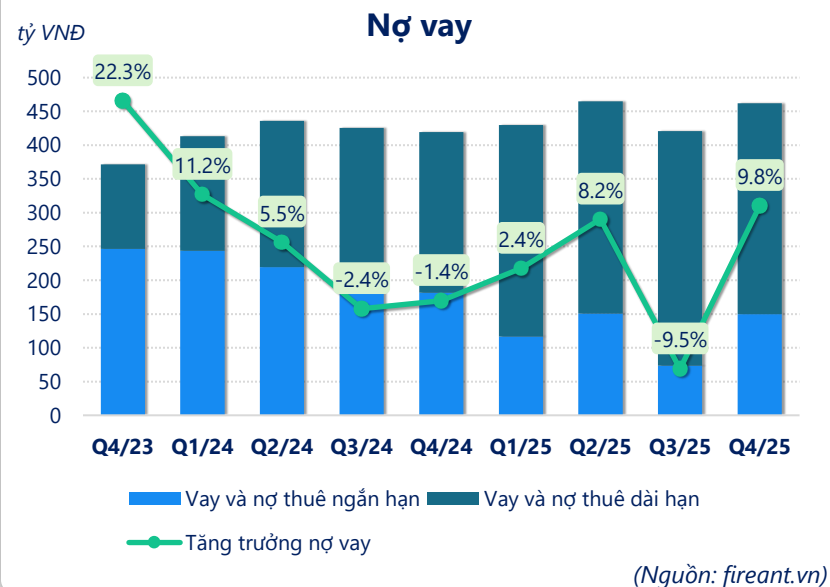
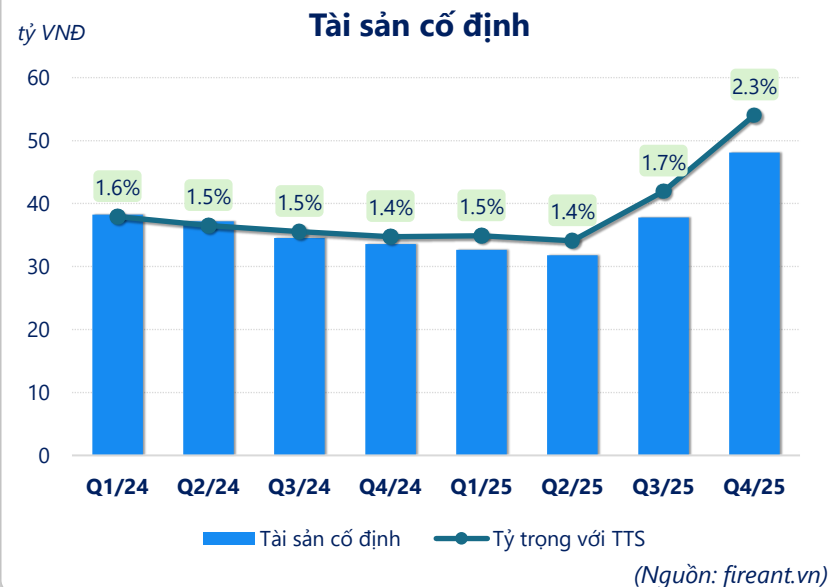
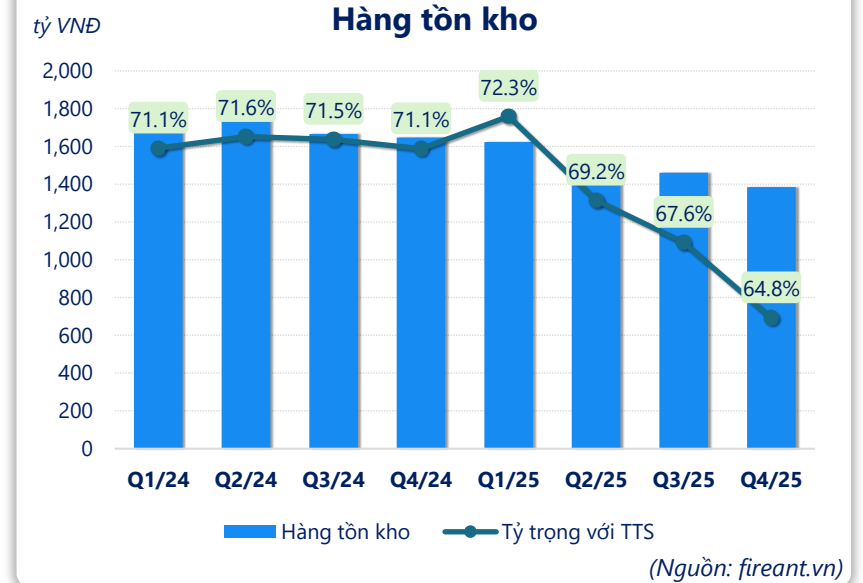
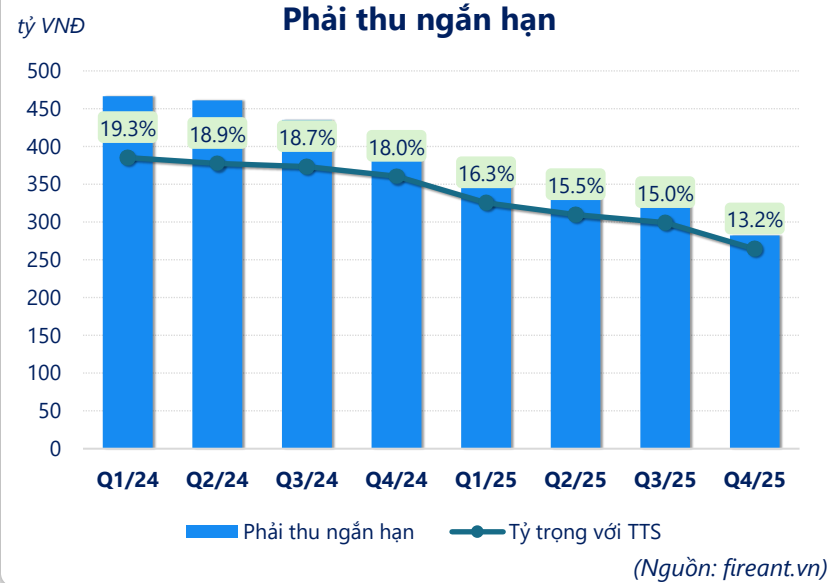
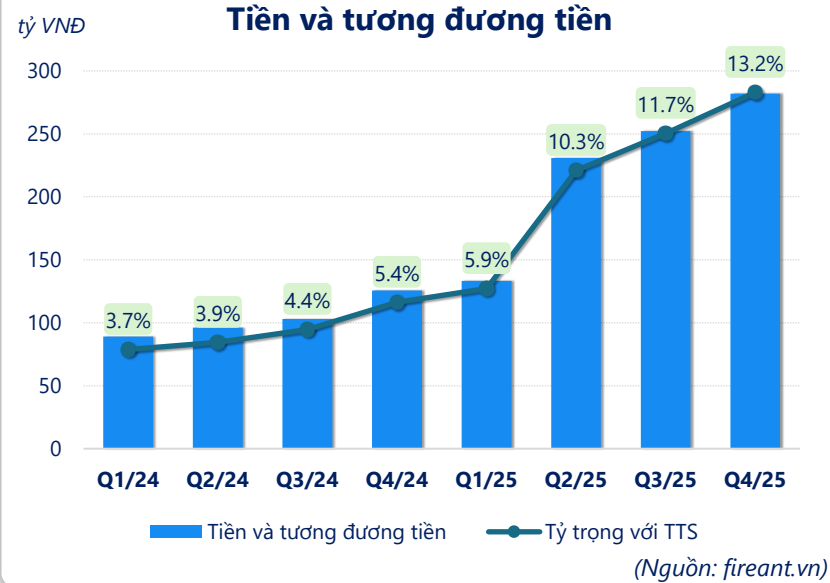
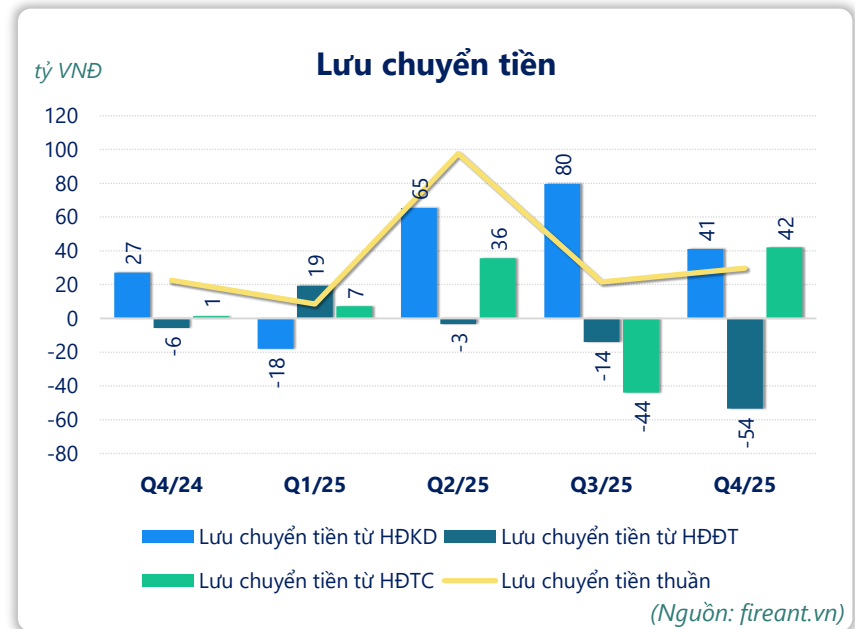
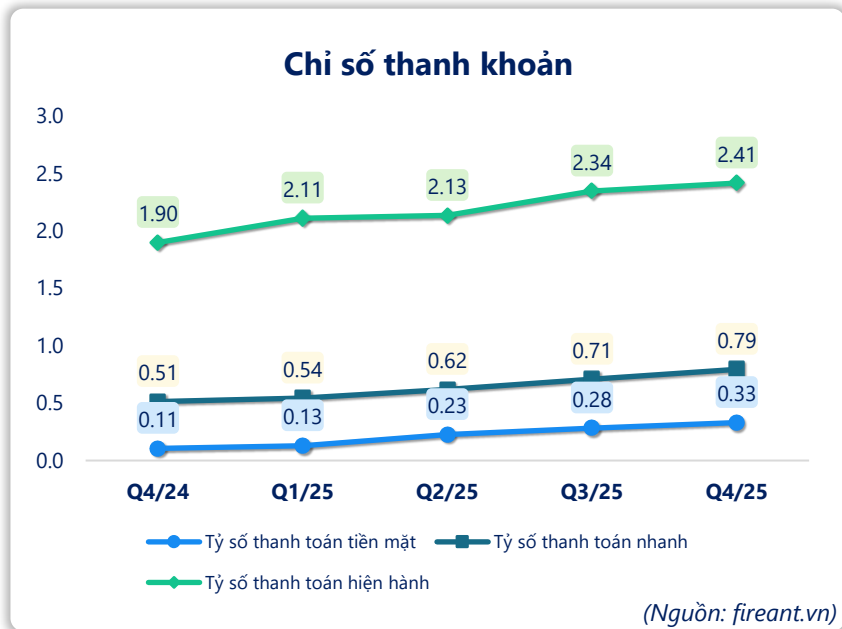
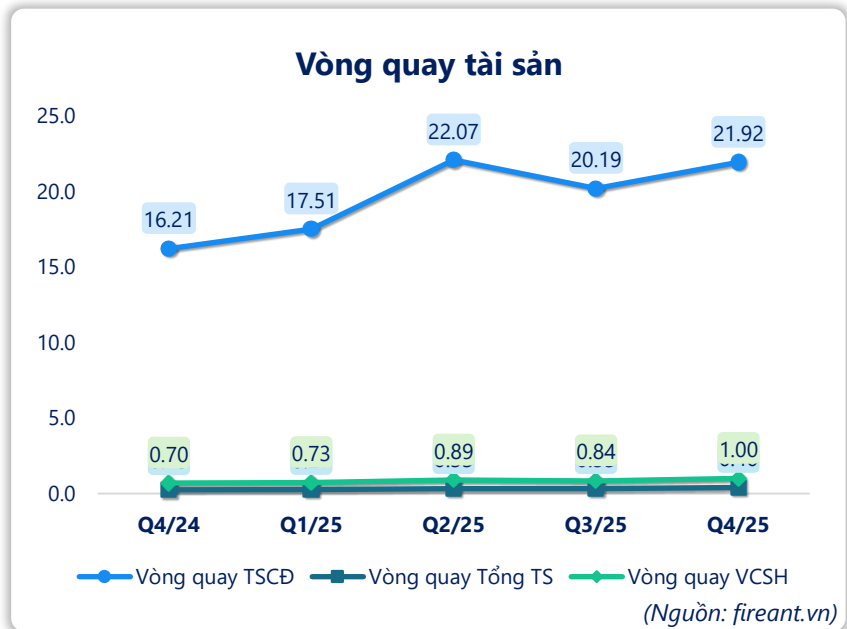
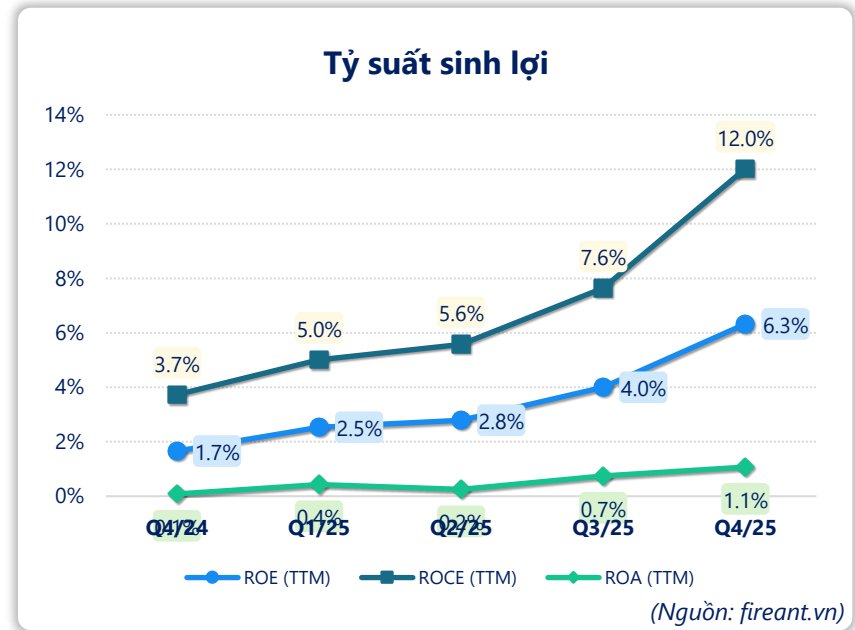
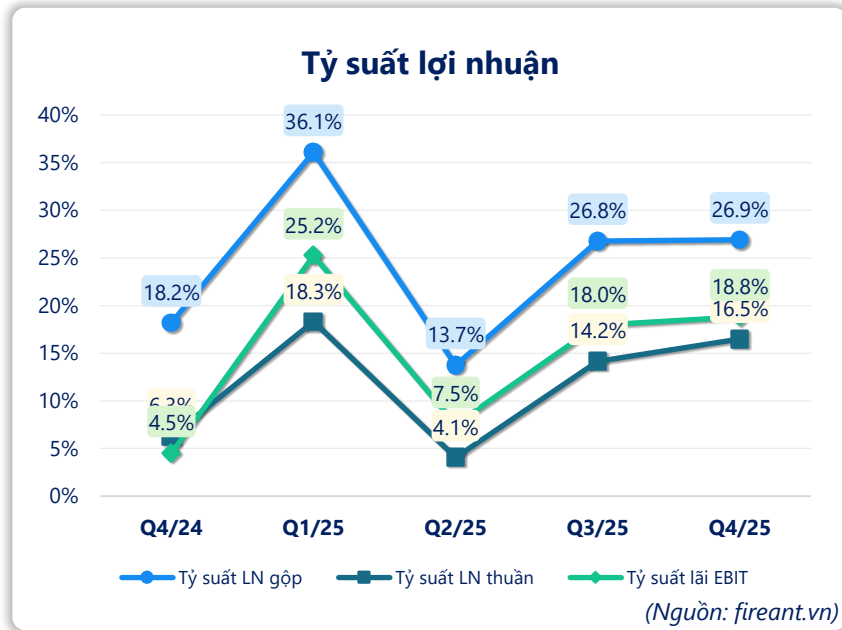
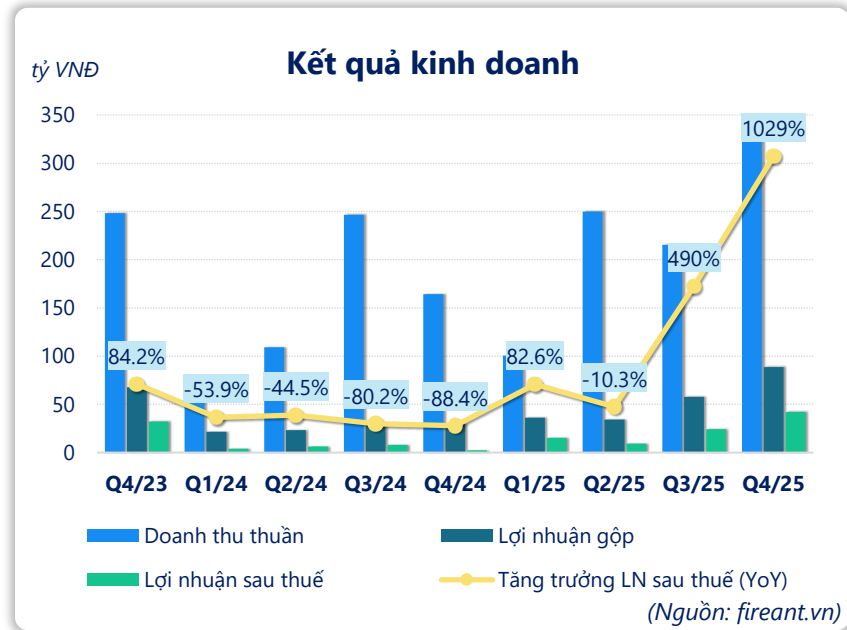


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		17,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		24,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		15,538
SL cổ phiếu LH		41,149,264
KLGD BQ 20 phiên (CP)		12,680
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		724
P/E		12.8
EPS		1,371

	YTD	1T	3T	6T
CSC	-28.8%	-2.2%	-12.4%	-16.6%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,136	2,309	-7.5%
Tài sản ngắn hạn	2,063	2,249	-8.2%
Tiền và tương đương tiền	282	125	126%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	79.7	23.7	236%
Phải thu ngắn hạn	282	414	-31.9%
Hàng tồn kho	1,385	1,641	-15.6%
Tài sản ngắn hạn khác	33.9	44.6	-24.0%
Tài sản dài hạn	73.0	60.8	20.1%
Phải thu dài hạn	0.62	0.30	105%
Tài sản cố định	48.1	33.5	43.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.21	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	14.9	16.4	-9.3%
Tài sản dài hạn khác	9.18	10.5	-12.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,206	1,463	-17.5%
Nợ ngắn hạn	855	1,151	-25.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	150	144	3.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	198	407	-51.3%
Nợ dài hạn	352	312	12.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	312	278	12.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	930	847	9.8%
Vốn chủ sở hữu	930	847	9.8%
Vốn điều lệ	411	374	10.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	164	100	250	215	329
Giá vốn hàng bán	134	64.2	216	158	241
Lợi nhuận gộp	29.9	36.3	34.3	57.7	88.6
Doanh thu HĐTC	1.22	0.39	1.17	0.73	0.28
Chi phí TC	3.80	5.61	6.94	7.99	7.55
Chi phí lãi vay	3.80	5.61	6.86	8.06	8.09
LN trong công ty LKLD	0	0	0.36	0	0.20
Chi phí bán hàng	9.64	7.22	10.3	15.0	17.9
Chi phí QLDN	7.36	5.41	8.43	4.88	9.32
LN thuần từ HĐKD	10.3	18.4	10.1	30.5	54.3
Lợi nhuận khác	-6.72	1.34	1.84	0.10	-0.44
LN trước thuế	3.60	19.8	12.0	30.6	53.8
Lợi nhuận sau thuế	2.51	15.3	9.43	24.4	42.1
LNST của CĐ cty mẹ	1.98	10.1	5.78	16.7	23.9

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	27.1	-18.0	65.4	79.5	41.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-5.78	19.4	-3.41	-14.1	-53.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	1.28	7.17	35.6	-43.9	42.1
Tiền đầu kỳ	103	125	133	231	252
Lưu chuyển tiền thuần	22.6	8.51	97.6	21.5	29.7
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	126	133	231	252	282

(Nguồn: fireant.vn)